

**CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN PHỤ GIA CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 30/CBTT- PGDM
V/v: CBTT Báo cáo thường niên năm 2023

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ (APP)
2. Mã chứng khoán : APP
3. Địa chỉ trụ sở chính: KCN tập trung vừa và nhỏ Phú thị - Gia Lâm – Hà Nội.
4. Điện thoại 024 36785060 fax: 024 36784978
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Duy Kiên
6. Nội dung của thông tin công bố:
- Báo cáo thường niên năm 2023
- 7.Địa chỉ Website www.app.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Nguyễn Duy Kiên

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101438047
- Vốn điều lệ: 47.246.320.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 47.246.320.000 đồng
- Địa chỉ: Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội
- Số điện thoại: (024) 36785060
- Số Fax: (024) 36784978
- Website: <http://www.app.com.vn>
- Mã cổ phiếu: APP

Quá trình hình thành và phát triển:

Ngày 28/8/1996, theo quyết định số 2365/QĐ-TCCB của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Công ty Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ (APP) được thành lập trên cơ sở tách Trung tâm Phụ gia Dầu mỏ từ Viện Hoá học Công nghiệp.

Ngày 19/08/2003, theo quyết định số 133/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Nhà nước nắm cổ phần chi phối (51%). Và kể từ đầu năm 2006 đến nay, thực hiện chủ trương bán tiếp cổ phần của Nhà nước, Công ty đã chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối – Công ty liên kết.

Công ty APP niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo Quyết định niêm yết cổ phiếu số: 688/QĐ-SGDHN do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 28/09/2010 và chính thức thực hiện phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 05/10/2010.

Sau 27 năm phát triển và trưởng thành, đến nay Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ (APP) đã trở thành một Công ty sản xuất kinh doanh mạnh trong ngành dầu mỡ bôi trơn, chất lỏng chuyên dụng với chức năng chính là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn và bảo quản, dầu phanh và các chất lỏng thủy lực; các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, hoá chất; các chất lỏng chuyên dụng và vật liệu mới phục vụ cho công nghiệp, tiêu dùng và an ninh quốc phòng, và đặc biệt là đầu tư vào các lĩnh vực quan trọng khác nhằm chuyển đổi cơ cấu và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, phấn đấu trở thành một Công ty hàng đầu trong các lĩnh vực tại Việt Nam.

Tại thời điểm thành lập, từ một đơn vị nhỏ làm công tác nghiên cứu được nhà nước bao cấp chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty APP gặp rất nhiều khó khăn, thách thức. Quỹ đất và cơ sở hạ tầng không có, đồng vốn hạn hẹp, APP đã phải đi thuê trụ sở làm việc và vừa phải sản xuất kinh doanh, vừa từng bước xây dựng cơ sở.

Đến nay, Công ty APP đã có các nhà máy và xưởng sản xuất hiện đại tại Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, với công suất trên 16.500 tấn/năm/một ca, APP có khả năng cung ứng trên 150 chủng loại sản phẩm thuộc các nhóm: dầu bôi trơn, mỡ bôi trơn, phụ gia, hoá chất, dầu phanh, dầu nhũ các loại, chất tẩy rửa, chất làm mát, vật

liệu mới... phục vụ cho các ngành giao thông vận tải, ngành điện, khai thác mỏ, các nhà máy công nghiệp, hoá chất...

APP có đội ngũ cán bộ, kỹ sư, chuyên gia, công nhân viên, trong đó có nhiều người đã được đào tạo và làm việc tại nước ngoài, có kiến thức chuyên sâu và giàu kinh nghiệm. Trong quá trình hoạt động, APP luôn coi trọng và xác định chữ tín với khách hàng là yếu tố quan trọng hàng đầu. Đến nay, APP đã tạo dựng được uy tín và thương hiệu của mình trên thị trường, được các khách hàng trong và ngoài nước tôn trọng, đánh giá cao, đặt niềm tin để thiết lập quan hệ hợp tác kinh doanh trong các lĩnh vực mà hai bên cùng quan tâm.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn và bảo quản, dầu phanh và các chất lỏng thuỷ lực.

- Kinh doanh xăng dầu

- Địa bàn kinh doanh: Cung cấp chính các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn, phụ gia cho ngành than tại thị trường Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị gồm: Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành

- Cơ cấu bộ máy quản lý gồm: Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, các Trưởng phòng ban, Chi nhánh. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể.

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát triển bền vững và phấn đấu trở thành một trong những Công ty hàng đầu tại Việt Nam về dầu mỡ bôi trơn.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Tuân thủ theo quy định đối với việc bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đảm bảo công ăn việc làm và chế độ phúc lợi cho người lao động.

5. Các rủi ro:

Những biến động khó lường về giá dầu mỏ tác động trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, do nguồn nguyên liệu chủ yếu là dầu gốc, phụ gia và các nguyên liệu khác có gốc từ dầu mỏ.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Chỉ tiêu hoạt động (Đơn vị: triệu đồng)	Kết quả SXKD năm 2023	Kế hoạch SXKD năm 2023	So sánh % TH/ KH
Tổng doanh thu	200.823	221.653	90,6
Lợi nhuận trước thuế	-4.502	56,8	-

Kết quả: Về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2023, chỉ tiêu doanh thu đạt 90,6% kế hoạch, lợi nhuận -4,5 tỷ đồng.

• **Nguyên nhân lợi âm:**

- + Công ty phải nhập nguyên liệu sản xuất dầu mỡ nhờn với giá cao, trong khi giá bán không tăng được.
- + Công ty bị mất một số thị trường Công nghiệp có sản lượng và lợi nhuận cao. Công tác phát triển thị trường Công nghiệp không đạt yêu cầu.
- + Hoạt động kinh doanh xăng dầu bị ảnh hưởng nghiêm trọng từ việc chiết khấu xăng dầu ở nhiều thời điểm thấp, công ty áp dụng chính sách bán hàng trả tiền ngay, không cho khách hàng nợ dẫn đến sản lượng xăng dầu đạt mức thấp, hoạt động bán buôn, bán lẻ xăng dầu đều không đạt kết quả như kỳ vọng.

2. **Tổ chức và nhân sự:**

Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ CP SH	Tóm tắt lý lịch
1	Hoàng Trung Dũng	Tổng Giám đốc- Phó Chủ tịch HĐQT	24,12%	Ngày sinh: 27/3/1965, CMND số 01145428, cấp ngày 19/3/2012, tại Hà Nội, địa chỉ thường trú: Nhà E2B phòng 102+202 Ngõ 4, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
2	Hoàng Bình Dương	Phó Tổng Giám đốc – Thành viên HĐQT	6,34%	Ngày sinh: 11/9/1955 CMND số 022713530, cấp ngày 7/12/2006 tại TP.HCM; địa chỉ thường trú: 127/9 Hoàng Diệu 2, Linh Trung, Thủ Đức, TPHCM
3	Nguyễn Cảnh Tuyên	Giám đốc TTNCPT	0,03%	Ngày sinh 5/8/1972, CMTND số 011724971, cấp ngày 25/9/2002, tại Hà Nội, địa chỉ thường trú Phòng 416 TT ban Vật giá Chính phủ, Cổng Vị, Ba Đình, HN

Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm có 3 thành viên:

- Ông Hoàng Trung Dũng Tổng Giám đốc điều hành
- Ông Hoàng Bình Dương Phó Tổng Giám đốc phụ trách CN HCM
- Ông Nguyễn Duy Kiên Phó Tổng Giám đốc Nội chính

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 75 người

Các chính sách đối với người lao động:

Do tình hình kinh doanh năm 2023 gặp nhiều khó khăn nên Công ty phải thực hiện giảm quỹ tiền lương đã được phê duyệt để tiết giảm chi phí.

Tổng quỹ tiền lương năm 2023 là 6,25 tỷ đồng. Mức lương bình quân 6,9 triệu đồng/người/ tháng, bằng 86% so với cùng kỳ và 76% so với kế hoạch.

Các chính sách, chế độ đối với người lao động được đảm bảo. Công ty duy trì đóng bảo hiểm 100% cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe, bồi dưỡng chống nóng, độc hại bằng hiện vật cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Trong năm Công ty đã thực hiện các hạng mục đầu tư với tổng mức đầu tư là: 2,2 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	201.467.597.569	271.693.143.660
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	643.652.466	409.256.384
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		200.823.945.103	271.283.887.276
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	23	184.099.712.794	247.279.562.712
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		16.724.232.309	24.004.324.564
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	170.924.294	136.234.405
7. Chi phí tài chính	22	25	2.284.446.027	2.441.973.622
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.175.287.730	2.239.369.018
8. Chi phí bán hàng	25	26	10.065.721.521	11.775.949.597
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	9.058.330.540	9.550.894.718
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(4.513.341.485)	371.741.032
11. Thu nhập khác	31	28	48.354.607	390.010.351
12. Chi phí khác	32	29	37.162.939	113.119.430
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		11.191.668	276.890.921
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(4.502.149.817)	648.631.953
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	214.658.070
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(4.502.149.817)	433.973.883
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	(953)	92

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.945.009.132	55.473.411.580
I. Tiền	110	4	3.789.901.208	1.535.665.380
1. Tiền	111		3.789.901.208	1.535.665.380
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	3.000.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.000.000.000	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.919.839.307	20.139.046.584
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	18.945.093.095	20.003.706.401
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.142.567.935	1.706.596.250
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.195.889.100	3.663.555.282
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.372.567.533)	(5.250.873.838)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		8.856.710	16.062.489
IV. Hàng tồn kho	140	10	25.736.236.408	29.404.053.004
1. Hàng tồn kho	141		26.417.694.933	30.085.511.529
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(681.458.525)	(681.458.525)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.499.032.209	1.394.646.612
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	583.890.594	421.901.803
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		694.946.931	798.640.947
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	220.194.684	174.103.862
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.929.817.916	30.246.636.204
I. Tài sản cố định	220		11.692.795.640	12.808.049.520
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	11.692.795.640	12.808.049.520
- Nguyên giá	222		56.049.822.773	54.707.306.045
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.357.027.133)	(41.899.256.525)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		2.910.231.420	2.910.231.420
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.910.231.420)	(2.910.231.420)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		430.780.835	430.780.835
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	430.780.835	430.780.835
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	14.831.618.219	14.831.618.219
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.200.000.000	15.200.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(368.381.781)	(368.381.781)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.974.623.222	2.176.187.630
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.974.623.222	2.176.187.630
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		81.874.827.048	85.720.047.784

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		36.241.135.357	35.584.206.276
I. Nợ ngắn hạn	310		36.241.135.357	35.584.206.276
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.451.048.844	2.098.206.469
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	638.049.301	1.592.368.116
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	306.979.205	364.546.770
4. Phải trả người lao động	314		17.860.711	515.136.414
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		60.704.940	36.749.154
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	330.734.957	361.133.786
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	32.422.144.583	30.602.452.751
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.612.816	13.612.816
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		45.633.691.691	50.135.841.508
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	44.997.332.653	49.499.482.470
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.246.320.000	47.246.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.246.320.000	47.246.320.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(20.000.000)	(20.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		78.624.445	78.624.445
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.307.611.792)	2.194.538.025
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.194.538.025	1.760.564.142
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(4.502.149.817)	433.973.883
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		636.359.038	636.359.038
1. Nguồn kinh phí	431		(28.263.460)	(28.263.460)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		664.622.498	664.622.498
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		81.874.827.048	85.720.047.784

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần:

4.724.632 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:

4.724.632 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:

0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: (Tính đến ngày 26/3/2023)

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1.	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	548	4.701.738	99,51
1.1	Tổ chức	09	105.010	2,22
1.2	Cá nhân	539	4.596.728	97,29
2.	CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	13	22.894	0,48
2.1	Tổ chức	4	2.500	0,05
2.2	Cá nhân	9	20.394	0,43
3.	CỔ PHIẾU QUỸ	0	0	0
	TỔNG CỘNG	561	4.724.632	100

Trong đó:

TT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Hoàng Trung Dũng	1.139.828	24,13
2	Hoàng Bình Dương	299.591	6,34
2	Nguyễn Hà Trung	785.065	16,6
3	Các cổ đông khác	2.500.148	52,92

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

TT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	% TH 2023 /TH 2022	% TH 2023 /KH 2023
1	Tổng doanh thu tiêu thụ	Triệu đ	271.790	221.653	200.823	73,9	90,6
	a. Doanh thu dầu mỡ nhờn	-	63.857	67.900	55.240	86,5	81,4
	b. Doanh thu xăng, dầu	-	201.339	146.252	139.212	69,1	95,2
	c. Doanh thu dầu gốc	-	6.593	7.500	6.371	96,6	85
2	Sản lượng hiện vật tiêu thụ						
	- Dầu mỡ nhờn	1.000 L	1.303	1.572	1.237	95	78,7
	- Xăng, dầu	1.000 L	8.818	8.200	7.527	85,4	91,7
	- Dầu gốc	1.000 kg	245	350	306	124	87,4
3	Lao động tiền lương						
	- Tổng số LĐ bình quân năm	Người	80	82	75	93,7	91,5
	- Tổng quỹ lương	Triệu đ	7.689	8.200	6.259	81,4	76,3
4.	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đ	648	56,8	-4.502	-	-

Kết thúc năm 2023, hoạt động kinh doanh Công ty đạt được một số chỉ tiêu chính sau:

Doanh thu bán hàng: 200 tỷ đồng, bằng 90% so với kế hoạch

Trong đó:

+ Doanh thu xăng dầu: 139 tỷ đồng, bằng 95% so với kế hoạch

+ Doanh thu dầu nhờn: 55,2 tỷ đồng, bằng 81% so với kế hoạch

Lợi nhuận trước thuế: -4.502 triệu đồng.

Quỹ tiền lương: 6,3 tỷ, bằng 76% so với kế hoạch

Hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2023 gặp phải những khó khăn sau:

+ Công ty phải nhập nguyên liệu sản xuất dầu mỡ nhờn với giá cao, trong khi giá bán không tăng được.

+ Công ty bị mất một số thị trường Công nghiệp có sản lượng và lợi nhuận cao như: Công ty Osawa, Công ty ống thép Cao Bằng, Công ty Phân đạm và HC Hà Bắc. Hoặc bị tụt giảm sản lượng bán ở một số thị trường Công nghiệp khác như: Công ty Apatit, Công ty Cao su Đà Nẵng, Công ty Than Mạo Khê. Kết quả là sản lượng dầu cao cấp bằng 68% so với cùng kỳ, sản phẩm Nhũ cắt gọt, nước làm mát sản lượng bằng 45% so với cùng kỳ.

+ Các sản phẩm bán qua hệ thống Đại lý bị sụt giảm nhiều. Trong đó, sản lượng dầu xe máy bằng 54% so với cùng kỳ, sản lượng dầu thương mại bằng 57% so với cùng kỳ.

+ Mạng kinh doanh xăng dầu: Công ty áp dụng chính sách bán hàng trả tiền ngay, chiết khấu xăng dầu ở nhiều thời điểm rất thấp dẫn đến doanh thu và hiệu quả bán buôn, bán lẻ xăng dầu thấp.

+ Công ty phải thực hiện giảm quỹ tiền lương đã được HĐQT phê duyệt để tiết giảm chi phí.

2. Tình hình tài chính:

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.945.009.132	55.473.411.580
I. Tiền	110	4	3.789.901.208	1.535.665.380
1. Tiền	111		3.789.901.208	1.535.665.380
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	3.000.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.000.000.000	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.919.839.307	20.139.046.584
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	18.945.093.095	20.003.706.401
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.142.567.935	1.706.596.250
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.195.889.100	3.663.555.282
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.372.567.533)	(5.250.873.838)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		8.856.710	16.062.489
IV. Hàng tồn kho	140	10	25.736.236.408	29.404.053.004
1. Hàng tồn kho	141		26.417.694.933	30.085.511.529
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(681.458.525)	(681.458.525)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.499.032.209	1.394.646.612
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	583.890.594	421.901.803
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		694.946.931	798.640.947
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	220.194.684	174.103.862
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.929.817.916	30.246.636.204
I. Tài sản cố định	220		11.692.795.640	12.808.049.520
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	11.692.795.640	12.808.049.520
- Nguyên giá	222		56.049.822.773	54.707.306.045
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.357.027.133)	(41.899.256.525)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		2.910.231.420	2.910.231.420
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.910.231.420)	(2.910.231.420)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		430.780.835	430.780.835
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	430.780.835	430.780.835
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	14.831.618.219	14.831.618.219
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.200.000.000	15.200.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(368.381.781)	(368.381.781)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.974.623.222	2.176.187.630
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.974.623.222	2.176.187.630
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		81.874.827.048	85.720.047.784

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty đã ban hành các quy định, quy trình nội bộ phù hợp với tình hình thực tế

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Các chỉ tiêu dự kiến	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	364	383	403
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	765	2.000	3.500

4. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Công ty đã nộp thuế đầy đủ tiền thuế bảo vệ môi trường của các năm nên Công ty không cần điều chỉnh gì thêm về số liệu. Đối với các khoản phải thu khó đòi: Công ty đã làm các thủ tục khởi kiện những khách hàng này ra tòa án kinh tế nên chắc chắn sẽ thu được tiền trong tương lai. Đối với hàng tồn kho chậm luân chuyển đây là chiến lược bán hàng của Công ty khi mà giá cả nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất sản phẩm trên thế giới ngày càng tăng mạnh, Công ty đã tận dụng vốn sẵn có của mình để mua vào và dự trữ với số lượng thành phẩm lớn để hạ giá thành sản phẩm cạnh tranh với các Công ty cùng ngành, nên Công ty không xác định giá trị thuần có thể thu hồi đối với số hàng tồn kho này.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

a. Công tác sản xuất:

- Không có mẻ sản xuất sai hỏng khi sản xuất dầu phanh, chất lỏng chuyên dụng.
- Kiểm soát, xử lý tốt các sản phẩm dở dang, không còn để tồn đọng nhiều.
- Đã thực hiện đúng các chỉ định chuyên môn từ Trung tâm NCPT, tuân thủ các quy trình sản xuất, hướng dẫn công nghệ.
- Đã kiểm tra, bảo dưỡng máy móc trang thiết bị và sửa chữa các sự cố đột xuất đảm bảo trang thiết bị hoạt động ổn định.
- Đã kiểm định hiệu chuẩn thiết bị theo yêu cầu của pháp luật.
- Không để xảy ra mất an toàn, tai nạn lao động hoặc các sự cố đáng tiếc.

b. Công tác kinh doanh:

Doanh thu bán hàng: 200 tỷ đồng, bằng 90% so với kế hoạch

Trong đó:

- + Doanh thu xăng dầu: 139 tỷ đồng, bằng 95% so với kế hoạch
- + Doanh thu dầu nhờn: 55,2 tỷ đồng, bằng 81% so với kế hoạch

Hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2023 gặp phải những khó khăn sau:

+ Công ty phải nhập nguyên liệu sản xuất dầu mỡ nhờn với giá cao, trong khi giá bán không tăng được.

+ Công ty bị mất một số thị trường Công nghiệp có sản lượng và lợi nhuận cao như: Công ty Osawa, Công ty ống thép Cao Bằng, Công ty Phân đạm và HC Hà Bắc. Hoặc bị tụt giảm sản lượng bán ở một số thị trường Công nghiệp khác như: Công ty Apatit, Công ty Cao

su Đà Nẵng, Công ty Than Mạo Khê. Kết quả là sản lượng dầu cao cấp bằng 68% so với cùng kỳ, sản phẩm Nhũ cắt gọt, nước làm mát sản lượng bằng 45% so với cùng kỳ.

+ Các sản phẩm bán qua hệ thống Đại lý bị sụt giảm nhiều. Trong đó, sản lượng dầu xe máy bằng 54% so với cùng kỳ, sản lượng dầu thương mại bằng 57% so với cùng kỳ.

+ Mảng kinh doanh xăng dầu: Công ty áp dụng chính sách bán hàng trả tiền ngay, chiết khấu xăng dầu ở nhiều thời điểm rất thấp dẫn đến doanh thu và hiệu quả bán buôn, bán lẻ xăng dầu thấp.

+ Công ty phải thực hiện giảm quỹ tiền lương đã được HĐQT phê duyệt để tiết giảm chi phí.

c. Công tác Kỹ thuật:

Trong năm 2023, bộ phận kỹ thuật đã thực hiện những nhiệm vụ:

- Tìm kiếm các phụ gia giá rẻ thay thế phụ gia hiện có để giảm giá thành: đã thay thế 03 phụ gia, đó là: RC 8239 cho sản xuất mỡ EP; Phụ gia chống ăn mòn của dầu phanh, phụ gia RF 6069 cho dầu động cơ.
- Lập đơn, ban hành đơn sản xuất tất cả các sản phẩm dầu mỡ nhờn trên nguyên liệu tồn kho.
- Khảo sát phụ gia phụ gia tăng nhiệt độ nhỏ giọt của hãng Infineum nhằm tăng nhiệt độ nhỏ giọt của mỡ Licom T: kết quả đáp ứng được yêu cầu đề ra (nhiệt độ nhỏ giọt > 280⁰C), Khảo sát tổ hợp phụ gia của hãng zhengzhou Chorus Lubricant Additive: dầu động cơ, phụ gia TBN, phụ gia cực áp, phụ gia,,,,,: kết quả đạt yêu cầu của Công ty, tuy nhiên giá thành phụ gia dầu động cơ cao hơn so với phụ gia của hãng Richfull.
- Nghiên cứu, lập đơn sản xuất mỡ canxi: đã đưa vào sản xuất và đến nay đã sản xuất hơn 130 tấn mỡ canxi.
 - Hỗ trợ kỹ thuật sản xuất khi sản phẩm sản xuất không đạt yêu cầu kỹ thuật cần khắc phục.
- Triển khai hệ thống ISO, đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng luôn vận hành tốt.

d. Thực hiện chế độ đối với người lao động:

- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 đạt 6,2 tỷ đồng, bằng 81% kế hoạch, lương bình quân đạt 6,9 triệu đồng/ người/ tháng. Trước những khó khăn trong hoạt động kinh doanh, Công ty phải thực hiện giảm quỹ tiền lương đã được HĐQT phê duyệt để tiết giảm chi phí hoạt động chung.

Do thu nhập tại APP thấp so với mặt bằng thị trường lao động và các hãng dầu nhờn khác nên công tác tuyển dụng nhân sự gặp nhiều khó khăn. Trong năm 2023, Công ty đã không tuyển dụng được nhân sự chất lượng theo yêu cầu của các bộ phận kinh doanh, thương mại.

- Công ty thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ đối với người lao động và duy trì tổ chức ăn giữa ca, bồi dưỡng bằng hiện vật chống nóng, độc hại cho người lao động.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc thực hiện cung cấp thông tin, báo cáo cho HĐQT thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc.

HĐQT đánh giá Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện đúng các Nghị quyết của HĐQT, đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn; đã chủ động, tích cực, xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh trong công tác quản lý.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Các chỉ tiêu dự kiến	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	364	383	403
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	765	2.000	3.500

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT	0	0	Không điều hành
2	Phan Thanh Hùng	Phó CT HĐQT	0	0	Không điều hành
3	Hoàng Trung Dũng	TV HĐQT, Tổng Giám đốc	1.139.828	24,12	Điều hành
4	Hoàng Bình Dương	TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	299.591	6,34	Điều hành
5	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	207.282	4,38	Không điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Để thực hiện các nhiệm vụ do ĐHCĐ giao, HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp và triển khai hoạt động theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

HĐQT đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, Nghị quyết và Quyết định chỉ đạo kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ.

Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia của Ban kiểm soát, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành kịp thời theo yêu cầu chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT	26/4/2022	5/5	100%	
2	Ông Phan Thanh Hùng	Phó CT HĐQT	26/4/2022	5/5	100%	
3	Ông Hoàng Trung Dũng	Thành viên HĐQT	26/4/2022	5/5	100%	
4	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	26/4/2022	5/5	100%	
5	Ông Hoàng Bình Dương	Thành viên HĐQT	26/4/2022	5/5	100%	

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	02/QĐ-HĐQT	21/2/2023	- Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 vào ngày 27/4/2023.
2	08/NQ-HĐQT	20/3/2023	- Sáp nhập phòng Kinh doanh Xăng dầu và Kinh doanh Dầu nhờn thành Phòng Kinh doanh Xăng dầu, Dầu nhờn khu vực miền Bắc - Ủy quyền cho Tổng Giám đốc bổ nhiệm ông Lê Nguyên Hưng vào chức danh Giám đốc Kinh doanh Dầu nhờn, Xăng dầu khu vực miền Bắc
3	11/NQ-HĐQT	24/3/2023	- Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT chỉ đạo các bộ phận trong Công ty hoàn thành các tài liệu chuẩn bị cho phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 - Thống nhất đề xuất của Tổng Giám đốc, duy trì quỹ tiền lương năm 2023 trên cơ sở bản kế hoạch SXKD năm 2023 đã được HĐQT phê duyệt theo Phương án 2 tại Tờ trình 163/TTr-PGDM ngày 25/11/2022 của Tổng Giám đốc. - Báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2023 ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc không chấp thuận cho APP phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022.
4	14/NQ-HĐQT	19/6/2023	- Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh 5 tháng đầu năm 2023 của Ban điều hành. - Thông qua lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán VACO làm Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty APP.
5	19/QĐ-HĐQT	16/10/2023	- Giao thư ký Công ty tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua chủ

			trương. - Giao ban điều hành xây dựng chi tiết lộ trình dự án đầu tư nhà máy tái chế dầu thải và xin ý kiến HĐQT xem xét
6	25/QĐ-HĐQT	25/12/2023	- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 như Tờ trình số 216/TTr-PGDM ngày 15/12/2023 của Tổng Giám đốc.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành :
Tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT và theo dõi, giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

2. Ban kiểm soát :

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát :

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Đào Thị Thanh Hà	Trưởng Ban kiểm soát	0	0
2	Phan Hải Hà	Thành viên Ban kiểm soát	231.078	4,89
3	Lê Thị Bạch Liên	Thành viên Ban kiểm soát	7.656	0,16

b) Các hoạt động của Ban kiểm soát :

Trong quá trình hoạt động của nhiệm kỳ BKS đã phân công nhiệm vụ từng thành viên để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát theo qui định của điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông. Định kỳ hàng quý và kết thúc năm tài chính BKS đã tiến hành kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính và những vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty.

- BKS đã hoạt động khách quan, trung thực, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, chế độ chính sách của nhà nước, điều lệ Công ty và các nghị quyết của ĐHCĐ.

- BKS đã họp để thống nhất nội dung báo cáo trình đại hội hôm nay, các thành viên BKS thường xuyên làm việc với các cơ cấu liên quan, Ban điều hành:

+ Trưởng BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT.

+ Thành viên BKS tham gia một số cuộc họp của HĐQT, trực tiếp đóng góp ý kiến nhằm tạo sự đồng thuận trong hoạt động SXKD định kỳ hàng tháng, quý, năm.

Số lượng các kỳ họp của Ban kiểm soát: 04 lần

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát :

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao 2023
1	Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT	72.000.0000
2	Phan Thanh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	60.000.000
3	Hoàng Trung Dũng	Thành viên HĐQT	54.000.000
4	Hoàng Bình Dương	Thành viên HĐQT	54.000.000
5	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	54000.000

Tổng chi phí hoạt động của HĐQT năm 2023: 0 đồng

Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao 2023
1	Đào Thị Thanh Hà	Trưởng ban kiểm soát	54.000.0000
2	Phan Hải Hà	Thành viên ban kiểm soát	36.000.000
3	Lê Thị Bạch Liên	Thành viên ban kiểm soát	36.000.000

Tổng chi phí hoạt động của BKS năm 2023: 0 đồng

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập 2023
1	Hoàng Trung Dũng	Tổng Giám đốc	580.500.000
2	Hoàng Bình Dương	Phó Tổng Giám đốc	173.409.098
3	Nguyễn Duy Kiên	Phó Tổng Giám đốc	199.370.000
4	Đoàn Văn Kiên	Phụ trách Phòng TCKT	5.500.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không giao dịch

c) Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ : Không có

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán: (Gửi kèm theo)
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Gửi kèm theo)

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Trung Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tháng 3 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ (APP) (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phan Thanh Hùng	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Trung Dũng	Thành viên
Ông Hoàng Bình Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Hoàng Trung Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Bình Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Kiên	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Trung Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Số: 153 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Cho đến ngày lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa thực hiện các điều chỉnh liên quan đến ảnh hưởng từ việc ghi nhận giá trị tiền thuế bảo vệ môi trường phải nộp cho phần doanh thu hàng hóa đã tiêu thụ trong tháng 12 năm 2019 và năm 2020 đã ghi nhận giảm doanh thu của năm 2021 với số tiền khoảng 341,1 triệu đồng, giảm doanh thu năm 2021 dưới 200 tỷ đồng và giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị định số 91/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ. Nếu thực hiện các điều chỉnh liên quan đến vấn đề này sẽ làm thay đổi ảnh hưởng lũy kế đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và chỉ tiêu thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với tổng giá trị khoảng 374 triệu đồng.

Tại ngày lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản công nợ tồn đọng đã quá hạn thanh toán với giá trị khoảng 5 tỷ đồng. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để xác định được giá trị có thể thu hồi được đối với các khoản công nợ tồn đọng này. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa xác định giá trị thuần có thể thực hiện được đối với hàng tồn kho tồn đọng lâu ngày, chậm luân chuyển với giá trị khoảng 2,36 tỷ đồng. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để xác định được giá trị thuần của số hàng tồn kho này. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 5 - Đầu tư tài chính ngắn hạn phần Thuyết minh báo cáo tài chính; Tại đó, Công ty trình bày thông tin về việc chưa ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xăng dầu APP1 Thanh Hóa với giá trị là 1,8 tỷ đồng (tương ứng 180.000 cổ phần) là phần cổ phần của ông Hoàng Trung Dũng tại Công ty Cổ phần Xăng dầu APP1 Thanh Hóa chuyển nhượng cho Công ty, do Công ty đang làm rõ căn cứ pháp lý của hợp đồng chuyển nhượng này.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 36 - Thông tin khác phần Thuyết minh báo cáo tài chính; Tại đó, Công ty trình bày thông tin về việc không đủ điều kiện phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 07 năm 2022 với số tiền là 1.417.389.600 VND.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2737-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.945.009.132	55.473.411.580
I. Tiền	110	4	3.789.901.208	1.535.665.380
1. Tiền	111		3.789.901.208	1.535.665.380
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	3.000.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.000.000.000	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.919.839.307	20.139.046.584
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	18.945.093.095	20.003.706.401
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.142.567.935	1.706.596.250
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.195.889.100	3.663.555.282
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.372.567.533)	(5.250.873.838)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		8.856.710	16.062.489
IV. Hàng tồn kho	140	10	25.736.236.408	29.404.053.004
1. Hàng tồn kho	141		26.417.694.933	30.085.511.529
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(681.458.525)	(681.458.525)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.499.032.209	1.394.646.612
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	583.890.594	421.901.803
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		694.946.931	798.640.947
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	220.194.684	174.103.862
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.929.817.916	30.246.636.204
I. Tài sản cố định	220		11.692.795.640	12.808.049.520
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	11.692.795.640	12.808.049.520
- Nguyên giá	222		56.049.822.773	54.707.306.045
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.357.027.133)	(41.899.256.525)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		2.910.231.420	2.910.231.420
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.910.231.420)	(2.910.231.420)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		430.780.835	430.780.835
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	430.780.835	430.780.835
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	14.831.618.219	14.831.618.219
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.200.000.000	15.200.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(368.381.781)	(368.381.781)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.974.623.222	2.176.187.630
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.974.623.222	2.176.187.630
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		81.874.827.048	85.720.047.784

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		36.241.135.357	35.584.206.276
I. Nợ ngắn hạn	310		36.241.135.357	35.584.206.276
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.451.048.844	2.098.206.469
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	638.049.301	1.592.368.116
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	306.979.205	364.546.770
4. Phải trả người lao động	314		17.860.711	515.136.414
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		60.704.940	36.749.154
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	330.734.957	361.133.786
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	32.422.144.583	30.602.452.751
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.612.816	13.612.816
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		45.633.691.691	50.135.841.508
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	44.997.332.653	49.499.482.470
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.246.320.000	47.246.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.246.320.000	47.246.320.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(20.000.000)	(20.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		78.624.445	78.624.445
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.307.611.792)	2.194.538.025
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		2.194.538.025	1.760.564.142
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(4.502.149.817)	433.973.883
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		636.359.038	636.359.038
1. Nguồn kinh phí	431		(28.263.460)	(28.263.460)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		664.622.498	664.622.498
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		81.874.827.048	85.720.047.784



Hoàng Trung Dũng
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Đoàn Văn Kiên
 Trưởng phòng TCKT

Đặng Thị Tuyết Minh
 Người lập

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	201.467.597.569	271.693.143.660
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	643.652.466	409.256.384
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		200.823.945.103	271.283.887.276
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	23	184.099.712.794	247.279.562.712
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		16.724.232.309	24.004.324.564
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	170.924.294	136.234.405
7. Chi phí tài chính	22	25	2.284.446.027	2.441.973.622
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.175.287.730	2.239.369.018
8. Chi phí bán hàng	25	26	10.065.721.521	11.775.949.597
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	9.058.330.540	9.550.894.718
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(4.513.341.485)	371.741.032
11. Thu nhập khác	31	28	48.354.607	390.010.351
12. Chi phí khác	32	29	37.162.939	113.119.430
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		11.191.668	276.890.921
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(4.502.149.817)	648.631.953
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	214.658.070
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(4.502.149.817)	433.973.883
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	(953)	92



Hoàng Trung Dũng
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Đoàn Văn Kiên
 Trưởng phòng TCKT

Đặng Thị Tuyết Minh
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(4.502.149.817)	648.631.953
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.060.439.789	2.955.508.519
- Các khoản dự phòng	03	121.693.695	(64.312.139)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.299	238.966
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(159.813.636)	(397.496.510)
- Chi phí lãi vay	06	2.175.287.730	2.239.369.018
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	695.462.060	5.381.939.807
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.155.116.776	2.290.367.834
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.667.816.596	10.718.523.618
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.036.060.467)	(12.922.085.823)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	39.575.617	(738.913.041)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.187.331.944)	(2.228.253.687)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(114.658.070)	(839.354.828)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(186.012.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.219.920.568	1.476.211.880
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.191.732.364)	(3.750.034.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	236.363.636	272.727.273
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	200.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	169.996.455	114.869.237
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.785.372.273)	(3.162.438.035)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	169.229.503.112	194.833.287.488
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(167.409.811.280)	(194.706.980.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.819.691.832	126.306.798
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	2.254.240.127	(1.559.919.357)
Tiền đầu năm	60	1.535.665.380	3.095.823.703
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.299)	(238.966)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	3.789.901.208	1.535.665.380



Hoàng Trung Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Đoàn Văn Kiên
Trưởng phòng TCKT

Đặng Thị Tuyết Minh
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập ngày 28 tháng 08 năm 1996, theo Quyết định số 2365/QĐ-TCCB của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp trên cơ sở tách Trung tâm Phụ gia Dầu mỏ từ Viện Hoá học Công nghiệp Việt Nam. Đến ngày 19 tháng 08 năm 2003, Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 133/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103003456 cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 10 năm 2019.

Tại ngày 05 tháng 07 năm 2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 453/QĐ-SGDHN quyết định hủy niêm yết của Công ty. Theo Thông báo số 2419/TB-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 26 tháng 07 năm 2022, Công ty sẽ giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCOM) với ngày giao dịch đầu tiên là ngày 03 tháng 08 năm 2022.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 71 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 75 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh và cho thuê kho bãi chứa dung môi, dầu gốc, xăng dầu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ nhận ủy thác và tạm nhập tái xuất;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Kinh doanh ô tô (loại trừ hoạt động đầu giá);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh thiết bị máy móc;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực hóa dầu; Dịch vụ quan trắc môi trường; Tư vấn môi trường;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển khách hàng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng/khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn và bảo quản dầu phanh và các chất lỏng thủy lực; Các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, hóa chất, các chất lỏng chuyên dụng và vật liệu mới phục vụ cho công nghiệp, tiêu dùng và an ninh quốc phòng; Kinh doanh xăng dầu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn và bảo quản dầu phanh và các chất lỏng thủy lực; Các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, hóa chất, các chất lỏng chuyên dụng và vật liệu mới phục vụ cho công nghiệp, tiêu dùng và an ninh quốc phòng;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại và không độc hại;
- Thoát nước và xử lý nước thải; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Thu gom rác thải độc hại và không độc hại; Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng/khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn và bảo quản dầu phanh và các chất lỏng thủy lực; Các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, hóa chất, các chất lỏng chuyên dụng và vật liệu mới phục vụ cho công nghiệp, tiêu dùng và an ninh quốc phòng; Kinh doanh xăng dầu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn và bảo quản dầu phanh và các chất lỏng thủy lực; Các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, hóa chất, các chất lỏng chuyên dụng và vật liệu mới phục vụ cho công nghiệp, tiêu dùng và an ninh quốc phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty liên kết:

Đơn vị	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động
1. Công ty Cổ phần Xăng dầu APP 1 Thanh Hóa	Thanh Hóa	40%	40%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
2. Công ty TNHH Bắc Hương	Sơn La	40%	40%	Kinh doanh xăng dầu thương mại, xây dựng và nhà hàng

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thái Nguyên Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ	Thôn 2, Xã Phú Tiến, Huyện Định Hoá, Tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh tại Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ	506/11/19 đường Nguyễn Ảnh Thủ, Khu phố 4, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Hưng Yên Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ	Thôn Tiên Xá II, Xã Cẩm Xá, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016; Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chi phí chuyển giao công nghệ.

Nguyên giá của chi phí chuyển giao công nghệ được mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại, khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước bao gồm: Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, bảo hiểm cháy nổ, chi phí quyền thuê đất, khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước là bảo hiểm cháy nổ phát sinh một lần với giá trị lớn, thời gian sử dụng dài. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ 12 tháng vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí quyền thuê đất và sử dụng đất là số tiền đã trả để đạt được quyền thuê đất. Chi phí quyền thuê đất và sử dụng đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước là công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động phát sinh một lần với giá trị lớn, thời gian sử dụng dài. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ không quá 36 tháng

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh các sản phẩm xăng dầu. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát
Công ty TNHH Bắc Hương
Công ty Cổ phần Xăng dầu APP 1 Thanh Hóa
Bà Đình Thị Việt Anh

Mối quan hệ

Lãnh đạo chủ chốt
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Thành viên có quan hệ mật thiết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	464.883.573	32.156.534
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.325.017.635	1.503.508.846
Cộng	<u>3.789.901.208</u>	<u>1.535.665.380</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Thành Đô	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000

Ghi chú:

- (i) Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 3,7%/năm. Khoản tiền gửi này được đảm bảo cho các khoản vay tại Thuyết minh số 19.

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (i) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (i) VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15.200.000.000	(368.381.781)	-	15.200.000.000	(368.381.781)	-
Công ty TNHH Bắc Hương	11.200.000.000	(368.381.781)	-	11.200.000.000	(368.381.781)	-
Công ty CP Xăng dầu APP1 Thanh Hóa (ii)	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	-	-

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (ii) Theo sổ cổ đông của Công ty Cổ phần Xăng dầu APP1 Thanh Hóa ngày 21 tháng 12 năm 2021 thì Công ty đang nắm giữ 580.000 cổ phần (tương ứng với số vốn góp là 5,8 tỷ đồng), phần chênh lệch thiếu giữa giá trị ghi sổ với số cổ đông là 180.000 cổ phần (tương ứng với 1.800.000.000 VND) là phần cổ phần của ông Hoàng Trung Dũng tại Công ty Cổ phần Xăng dầu APP1 Thanh Hóa chuyển nhượng cho Công ty theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCN ngày 21 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận giá trị phần cổ phần này do đang làm rõ căn cứ pháp lý của hợp đồng chuyển nhượng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty TNHH Bắc Hương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500363508 ngày 26 tháng 04 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Công ty đã có 09 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 21 tháng 11 năm 2019 thì vốn điều lệ của Công ty là 28.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ đồng chẵn). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, lỗ lũy kế và vốn chủ sở hữu của Công ty lần lượt là (2.110.944.007) VND và 16.362.750.993 VND.

Công ty Cổ phần Xăng dầu APP 1 Thanh Hóa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 2802759331 ngày 10 tháng 07 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 14.500.000.000 VND (Bằng chữ: Mười bốn tỷ năm trăm triệu đồng chẵn). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, lỗ lũy kế và vốn chủ sở hữu của Công ty lần lượt là (108.421.092) VND và 14.391.578.908 VND.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	17.047.467.023	17.558.686.265
Công ty Cổ phần Vijasun (i)	1.729.596.287	1.729.596.287
Công ty Cổ phần Dịch vụ môi trường Thăng Long (ii)	914.947.440	914.947.440
Công ty TNHH Sản xuất Lê Phan Gia Bình Dương	930.992.250	818.581.050
Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Phúc Minh (iii)	495.335.974	495.335.974
Công ty Công nghiệp Hóa chất Mỏ Tây Nguyên	-	2.372.367.342
Các đối tượng khác	12.976.595.072	11.227.858.172
b) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	1.897.626.072	2.445.020.136
Công ty TNHH Bắc Hương	1.897.626.072	2.445.020.136
Cộng	18.945.093.095	20.003.706.401

Ghi chú:

- (i) Liên quan đến tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vijasun, theo Quyết định số 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 3 năm 2023, tranh chấp được đưa ra xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, theo Quyết định số 01/2021/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 4 năm 2023 thì phiên toà bị hoãn và đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được thêm thông báo chính thức của Toà án. Công ty đã trích lập dự phòng khoản phải thu này với số tiền 864.798.144 VND tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- (ii) Theo bản án số 14/2023/KDTM-ST ngày 30/5/2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán giữa Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Thăng Long. Theo đó, Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Thăng Long phải trả cho Công ty toàn bộ nợ gốc là 914.947.440 VND và lãi chậm trả là 102.506.077 VND. Tuy nhiên, đối tác này vắng mặt tại phiên toà và hiện chưa thanh toán công nợ phải trả cho Công ty. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính chính này, Công ty chưa thu được tiền từ Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Thăng Long. Công ty chưa trích lập dự phòng cho khoản phải thu này.
- (iii) Liên quan đến tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá giữa Công ty và Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Phúc Minh, theo Quyết định số 02/2023/DQST-KDTM ngày 07 tháng 9 năm 2023 thì hai bên đã thống nhất hoà giải; Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Phúc Minh phải trả Công ty nợ gốc là 495.335.974 VND và nợ lãi chậm trả. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Phúc Minh vẫn chưa thanh toán công nợ cho Công ty. Công ty chưa trích lập dự phòng cho khoản phải thu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.142.567.935	1.579.301.009
Lưu Quang Hiếu (i)	350.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị máy móc Thiên An	324.000.000	324.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải thủy bộ Hải Hà - Hà Nội	-	454.485.600
Đối tượng khác	468.567.935	800.815.409
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan	-	127.295.241
Bà Lưu Thị Hồng Ngọc	-	127.295.241
Cộng	1.142.567.935	1.706.596.250

Ghi chú:

- (i) Là khoản ứng trước cho ông Lưu Quang Hiếu với nội dung chuyển tiền: Mua 35% cổ phần của ông Lưu Quang Hiếu ở Công ty Thái Nguyên Petro.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu khác là đối tượng khác	1.169.383.828	-	881.538.468	-
Tạm ứng	801.365.487	-	570.456.132	-
Phải thu thuế TNCN	195.566.356	-	195.566.356	-
Phải thu khác	172.451.985	-	115.515.980	-
b) Phải thu khác là các bên liên quan	3.026.505.272	-	2.782.016.814	-
Tạm ứng (i)	3.026.505.272	-	2.782.016.814	-
- Lưu Thị Hồng Ngọc	1.456.059.272	-	1.201.570.814	-
- Hoàng Trung Dũng	1.150.000.000	-	1.160.000.000	-
- Hoàng Bình Dương	420.446.000	-	420.446.000	-
Cộng	4.195.889.100	-	3.663.555.282	-

Ghi chú:

- (i) Khoản tạm ứng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Vijasun	1.729.596.287	864.798.143	1.729.596.287	864.798.143
Công ty TNHH Thiên Tuyên	631.680.000	250.840.000	761.680.000	380.840.000
Công ty TNHH Dầu khí Thiên Nga	583.982.386	-	583.982.386	-
Công ty TNHH Cơ khí và Vận tải An Huy	300.851.517	-	300.851.517	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Nguyễn Gia Khôi	252.380.054	-	252.380.054	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại và Dịch vụ Bình Phương	246.759.810	-	246.759.810	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Chung	233.530.182	-	233.530.182	-
Công ty TNHH Xây dựng Nhóm Kính Việt - Hàn	261.001.270	78.300.381	281.601.270	98.900.381
Các đối tượng khác	4.188.303.047	1.861.578.496	4.649.884.765	2.444.853.909
Cộng	8.428.084.553	3.055.517.020	9.040.266.271	3.789.392.433

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.273.437.825	-	20.709.204.459	-
Công cụ, dụng cụ	252.453.962	-	256.454.715	-
Thành phẩm	8.837.424.835	(681.458.525)	8.589.842.925	(681.458.525)
Hàng hoá	3.054.378.311	-	530.009.430	-
Cộng	26.417.694.933	(681.458.525)	30.085.511.529	(681.458.525)

Hàng tồn kho tại Công ty được đảm bảo cho các khoản vay tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	583.890.594	421.901.803
Chi phí bảo hiểm	135.511.077	228.750.483
Chi phí trả trước khác	448.379.517	193.151.320
b) Dài hạn	1.974.623.222	2.176.187.630
Chi phí quyền sử dụng đất (i)	1.093.239.356	1.130.937.272
Chi phí trả trước khác	881.383.866	1.045.250.358
Cộng	2.558.513.816	2.598.089.433

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng thuê đất số 168-2003/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 16 tháng 12 năm 2003 giữa Công ty với Sở Tài nguyên - Môi trường và Nhà đất Hà Nội, với diện tích đất thuê là 6.500m² tại lô NM2, khu Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2003.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	10.461.594.073	23.557.809.022	15.188.430.209	5.124.170.013	375.302.728	54.707.306.045
Tăng trong năm	-	-	2.143.623.273	-	48.109.091	2.191.732.364
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(849.215.636)	-	-	(849.215.636)
Số cuối năm	10.461.594.073	23.557.809.022	16.482.837.846	5.124.170.013	423.411.819	56.049.822.773
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	10.186.551.162	20.562.153.477	6.286.780.147	4.602.208.741	261.562.998	41.899.256.525
Khấu hao trong năm	78.583.692	1.165.622.503	1.689.950.550	61.000.008	65.283.036	3.060.439.789
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(602.669.181)	-	-	(602.669.181)
Số cuối năm	10.265.134.854	21.727.775.980	7.374.061.516	4.663.208.749	326.846.034	44.357.027.133
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	275.042.911	2.995.655.545	8.901.650.062	521.961.272	113.739.730	12.808.049.520
Số cuối năm	196.459.219	1.830.033.042	9.108.776.330	460.961.264	96.565.785	11.692.795.640

Giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 7.904.624.138 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 10.651.105.418 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 31.762.423.455 VND (tại 31 tháng 12 năm 2021 là 31.387.662.506 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Chi phí chuyển giao công nghệ</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	2.910.231.420	2.910.231.420
Số cuối năm	2.910.231.420	2.910.231.420
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	2.910.231.420	2.910.231.420
Số cuối năm	2.910.231.420	2.910.231.420
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.910.231.420 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.910.231.420 VND).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Dự án Phú Bình - Thái Nguyên	430.780.835	430.780.835
Cộng	430.780.835	430.780.835

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại nhựa Nam Hải	544.106.851	544.106.851	-	-
Công ty TNHH Hoàng Hà	358.578.621	358.578.621	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Cửa cảm Hải Phòng	228.506.400	228.506.400	-	-
Công ty Cổ phần Nhựa Osaka Việt Nam	152.344.442	152.344.442	115.913.896	115.913.896
Công ty TNHH Thương mại Tân Quang Minh	-	-	831.240.000	831.240.000
Công ty TNHH Thương mại Nam Hải	-	-	535.938.529	535.938.529
Các đối tượng khác	1.167.512.530	1.167.512.530	615.114.044	615.114.044
Cộng	2.451.048.844	2.451.048.844	2.098.206.469	2.098.206.469

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	23.156.676	738.061.665
Công ty TNHH TM Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia	-	500.000.000
Các đối tượng khác	23.156.676	238.061.665
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	614.892.625	854.306.451
Công ty Cổ phần Xăng dầu APP1 Thanh Hóa	614.892.625	854.306.451
Cộng	638.049.301	1.592.368.116

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp/thu</u>	<u>Số thực nộp/thu</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	
b) Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	77.330.678	200.294.602	131.727.354	8.763.430
Thuế thu nhập doanh nghiệp	96.773.184	-	114.658.070	211.431.254
Cộng	174.103.862	200.294.602	246.385.424	220.194.684
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	353.350.413	2.592.479.281	2.677.427.345	268.402.349
Thuế bảo vệ môi trường	11.196.357	425.343.493	397.962.994	38.576.856
Các loại thuế khác	-	13.273.500	13.273.500	-
Cộng	364.546.770	3.031.096.274	3.088.663.839	306.979.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	22.012.752	22.012.752
Kinh phí công đoàn	-	30.398.829
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	297.502.205	297.502.205
Các đối tượng khác	11.220.000	11.220.000
Cộng	<u>330.734.957</u>	<u>361.133.786</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎKCN tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, Xã Phú Thị,
Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	32.422.144.583	32.422.144.583	167.409.811.280	169.229.503.112	30.602.452.751	30.602.452.751
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đông (i)	30.849.046.185	30.849.046.185	161.351.334.154	162.956.301.997	29.244.078.342	29.244.078.342
Vay cá nhân (ii)	1.573.098.398	1.573.098.398	6.058.477.126	6.273.201.115	1.358.374.409	1.358.374.409
Cộng	32.422.144.583	32.422.144.583	167.409.811.280	169.229.503.112	30.602.452.751	30.602.452.751
Trong đó:						
Vay ngắn hạn bên liên quan	1.214.760.430	1.214.760.430	4.970.793.201	5.846.705.136	338.848.495	338.848.495
Ông Hoàng Trung Dũng	1.214.760.430	1.214.760.430	4.970.793.201	5.846.705.136	338.848.495	338.848.495

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/40407/HĐTD ngày 01 tháng 11 năm 2021 và các phụ lục bổ sung; hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VND. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán và mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức tối đa đến ngày 31 tháng 3 năm 2024. Lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ. Phương thức bảo đảm là thế chấp bằng tài sản cố định, hàng tồn kho và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của bên vay theo các hợp đồng thế chấp.
- (ii) Các hợp đồng vay cá nhân dưới 12 tháng với lãi suất cho vay là 5,7% - 6,5% (Tùy theo từng thông báo lãi suất từng thời điểm và kỳ hạn cho vay), mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Phương thức bảo đảm: Tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	47.246.320.000	(20.000.000)	78.624.445	1.860.564.142	49.165.508.587
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	433.973.883	433.973.883
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư đầu năm nay	47.246.320.000	(20.000.000)	78.624.445	2.194.538.025	49.499.482.470
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	(4.502.149.817)	(4.502.149.817)
Số dư cuối năm nay	47.246.320.000	(20.000.000)	78.624.445	(2.307.611.792)	44.997.332.653

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn góp đầu năm	47.246.320.000	47.246.320.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	47.246.320.000	47.246.320.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.724.632	4.724.632
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.724.632	4.724.632
- Cổ phiếu phổ thông	4.724.632	4.724.632
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.724.632	4.724.632
- Cổ phiếu phổ thông	4.724.632	4.724.632
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại (USD)	693,84	720,24

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	201.467.597.569	271.693.143.660
Doanh thu bán hàng	151.688.000.572	213.440.946.408
Doanh thu bán thành phẩm	49.779.596.997	58.245.436.309
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	6.760.943
Các khoản giảm trừ doanh thu	643.652.466	409.256.384
Chiết khấu thương mại	177.431.518	81.255.373
Hàng bán bị trả lại	466.220.948	328.001.011
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	200.823.945.103	271.283.887.276

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	146.083.739.256	205.400.296.986
Giá vốn của thành phẩm đã bán	38.015.973.538	41.879.265.726
Cộng	184.099.712.794	247.279.562.712

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	169.996.455	124.769.237
Lãi chênh lệch tỷ giá	927.839	11.465.168
Cộng	170.924.294	136.234.405

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.175.287.730	2.239.369.018
Lỗ chênh lệch tỷ giá	109.158.297	206.792.423
Trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	-	(4.187.819)
Cộng	2.284.446.027	2.441.973.622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	9.058.330.540	9.550.894.718
Chi phí nhân viên	3.567.520.393	4.105.416.029
Chi phí đồ dùng văn phòng	280.896.410	1.160.750.184
Chi phí khấu hao TSCĐ	341.106.051	263.026.452
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	29.600.000
Chi phí dự phòng	121.693.695	(60.124.319)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.888.633.646	823.210.664
Chi phí bằng tiền khác	2.853.480.345	3.229.015.708
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	10.065.721.521	11.775.949.597
Chi phí nhân viên	2.694.925.579	3.424.132.631
Chi phí vật liệu, bao bì	53.133.077	16.222.494
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.680.378.387	1.570.333.230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	661.434.934	955.259.808
Chi phí bằng tiền khác	4.975.849.544	5.810.001.434
Cộng	19.124.052.061	21.326.844.315

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.912.894.506	39.195.493.357
Chi phí nhân công	7.301.750.017	8.836.229.721
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.060.439.789	2.955.508.519
Chi phí dự phòng	121.693.695	(60.124.319)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.982.156.353	1.895.257.283
Chi phí khác bằng tiền	8.828.654.091	10.039.231.541
Cộng	57.207.588.451	62.861.596.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	272.727.273
Phạt hợp đồng	38.500.000	44.881.200
Thu nhập khác	9.854.607	72.401.878
Cộng	48.354.607	390.010.351

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Nộp phạt vi phạm hành chính	2.800.000	56.141.876
Thuế GTGT	-	53.441.765
Thanh lý TSCĐ	10.182.819	-
Chi phí khác	24.180.120	3.535.789
Cộng	37.162.939	113.119.430

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.502.149.817)	648.631.953
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	357.517.252	424.658.396
Cộng: Chi phí không được trừ	357.751.919	424.419.430
Cộng: Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá số dư tiền mặt năm nay	4.299	238.966
Trừ: (Lỗ) chênh lệch tỷ giá đánh giá số dư tiền mặt năm trước	(238.966)	-
Thu nhập chịu thuế	(4.144.632.565)	1.073.290.349
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	214.658.070
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	214.658.070

Trong năm, ngoài khoản chi phí không được trừ nêu trên, Công ty đánh giá không có khoản chi phí không được trừ khác cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CHUYỂN LỖ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các khoản lỗ tính thuế có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

	<u>Số cuối năm</u>
	VND
Các khoản lỗ lũy kế	4.144.632.565
Lỗ lũy kế được chuyển trong tương lai	4.144.632.565

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng trên báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế được chuyển	Số lỗ tính thuế đã chuyển	Số lỗ còn được chuyển	Ghi chú
		VND	VND	VND	
2023	2024 - 2028	4.144.632.565	-	4.144.632.565	Chưa quyết toán
Cộng		4.144.632.565	-	4.144.632.565	

32. LÃI/ (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.502.149.817)	433.973.883
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.502.149.817)	433.973.883
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi, lỗ trên cổ phiếu	4.724.632	4.724.632
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(953)	92

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu năm nay chưa bao gồm trích quỹ khen thưởng năm nay do chưa có kế hoạch trích.

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty áp dụng trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo địa lý vùng lãnh thổ tại Việt Nam và nước ngoài. Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam, không phát sinh tại nước ngoài. Theo đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài các Thuyết minh số 5, 6, 7, 8, 16 và 19, Công ty có các giao dịch trọng yếu sau với bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<i>Bán hàng hóa, nguyên liệu và cung cấp dịch vụ</i>	7.603.437.463	22.583.503.683
Công ty TNHH Bắc Hương	-	12.759.996.211
Công ty Cổ phần Xăng dầu APP1 Thanh Hóa	7.603.437.463	9.823.507.472
<i>Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	8.482.000.000	21.459.800.000
Công ty TNHH Bắc Hương	500.000.000	11.756.800.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu APP1 Thanh Hóa	7.982.000.000	9.703.000.000
<i>Vay trong năm</i>	5.846.705.136	702.051.502
Ông Hoàng Trung Dũng	5.846.705.136	702.051.502
<i>Trả gốc vay</i>	4.970.793.201	391.500.000
Ông Hoàng Trung Dũng	4.970.793.201	391.500.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

		Năm nay	Năm trước
	Chức danh	VND	VND
Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	74.000.000	78.000.000
Ông Phan Thanh Hùng	Phó Chủ tịch	62.000.000	20.000.000
Ông Hoàng Trung Dũng	Thành viên HĐQT; kiêm Tổng Giám đốc	583.350.000	778.000.000
Ông Hoàng Bình Dương	Thành viên HĐQT; kiêm Phó Tổng Giám đốc	169.395.127	231.662.092
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	56.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Duy Kiên	Phó Tổng Giám đốc	207.160.000	165.011.500
Đào Thanh Hà	Trưởng BKS	56.000.000	36.000.000
Nguyễn Hải Hà	Thành viên BKS	38.000.000	12.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	32.422.144.583	30.602.452.751
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(3.789.901.208)	(1.535.665.380)
Nợ thuần	28.632.243.375	29.066.787.371
Vốn chủ sở hữu	44.997.332.653	49.499.482.470
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	63,63%	58,72%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.789.901.208	1.535.665.380
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.768.414.662	18.416.387.845
Đầu tư tài chính	18.200.000.000	18.200.000.000
Cộng	39.758.315.870	38.152.053.225
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	32.422.144.583	30.602.452.751
Phải trả người bán và phải trả khác	2.781.783.801	2.459.340.255
Chi phí phải trả	60.704.940	36.749.154
Cộng	35.264.633.324	33.098.542.160

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.789.901.208	-	3.789.901.208
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.768.414.662	-	17.768.414.662
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.200.000.000	-	18.200.000.000
Cộng	39.758.315.870	-	39.758.315.870
Số cuối năm			
Các khoản vay	32.422.144.583	-	32.422.144.583
Phải trả người bán và phải trả khác	2.781.783.801	-	2.781.783.801
Chi phí phải trả	60.704.940	-	60.704.940
Cộng	35.264.633.324	-	35.264.633.324
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.493.682.546	-	4.493.682.546
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.535.665.380	-	1.535.665.380
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.416.387.845	-	18.416.387.845
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.200.000.000	-	18.200.000.000
Cộng	38.152.053.225	-	38.152.053.225
Số đầu năm			
Các khoản vay	30.602.452.751	-	30.602.452.751
Phải trả người bán và phải trả khác	2.459.340.255	-	2.459.340.255
Chi phí phải trả	36.749.154	-	36.749.154
Cộng	33.098.542.160	-	33.098.542.160
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.053.511.065	-	5.053.511.065


Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.


36. THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 07 năm 2022, Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền là 1.417.389.600 VND từ lợi nhuận năm 2021. Theo thông báo của Ủy ban Chứng khoán, Công ty không đủ điều kiện phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức 2021 theo Nghị quyết này.



Hoàng Trung Dũng
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024


 Đoàn Văn Kiên
 Trưởng phòng TCKT


 Đặng Thị Tuyết Minh
 Người lập